

QUYẾT ĐỊNH
Phê duyệt Kế hoạch công tác thanh tra năm 2022

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2019;

Căn cứ Luật Thanh tra số 56/2010/QH12 ban hành ngày 15 tháng 11 năm 2010;

Căn cứ Thông tư số 01/2014/TT-TTCP ngày 23/4/2014 của Thanh tra Chính phủ quy định việc xây dựng, phê duyệt định hướng chương trình thanh tra, kế hoạch thanh tra;

Căn cứ Công văn số 1889/TTCP-KHTH ngày 26/10/2021 của Thanh tra Chính phủ về việc hướng dẫn xây dựng Kế hoạch thanh tra năm 2022;

Theo đề nghị của Chánh Thanh tra tỉnh tại Tờ trình số 92/TTr-TTr ngày 04 tháng 11 năm 2021.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Kế hoạch công tác thanh tra năm 2022 với những nội dung như sau:

1. Công tác thanh tra

Tiếp tục thực hiện nghiêm Nghị quyết số 84/NQ-CP ngày 29/5/2020 của Chính phủ về các nhiệm vụ giải pháp tiếp tục tháo gỡ khó khăn cho sản xuất kinh doanh, thúc đẩy giải ngân vốn đầu tư công và bảo đảm trật tự an toàn xã hội trong bối cảnh đại dịch COVID-19; Chỉ thị số 20/CT-TTg ngày 17/5/2017 của Thủ tướng Chính phủ về chấn chỉnh hoạt động thanh tra, kiểm tra đối với doanh nghiệp, đảm bảo không quá 01 lần/năm đối với 01 doanh nghiệp, không để xảy ra việc chồng chéo, trùng lặp; Chỉ thị số 10/CT-TTg ngày 22/4/2019 của Thủ tướng Chính phủ về việc tăng cường xử lý, ngăn chặn có hiệu quả tình trạng những nhiễu, gây phiền hà cho người dân, doanh nghiệp trong giải quyết công việc. Việc tiến hành thanh tra, ban hành kết luận thanh tra đúng quy định của pháp luật, đạt mục đích yêu cầu.

Tiến hành các cuộc thanh tra:

1.1. Thanh tra toàn diện các gói thầu liên quan đến Đề án 1436 và Chương trình 775 đối với Sở Giáo dục và Đào tạo¹

1.2. Thanh tra trách nhiệm thực hiện pháp luật về thanh tra, tiếp công dân, khiếu nại, tố cáo và phòng, chống tham nhũng đối với Chủ tịch UBND thị xã Trảng Bàng.

1.3. Thanh tra việc thực hiện chính sách, pháp luật và nhiệm vụ, quyền hạn của UBND huyện Châu Thành về các dự án đầu tư, xây dựng; quản lý, sử dụng đất đai; quản lý và khai thác tài nguyên, khoáng sản.

1.4. Thanh tra trách nhiệm thực hiện pháp luật về thanh tra, tiếp công dân, khiếu nại, tố cáo và phòng, chống tham nhũng đối với Chủ tịch UBND thành phố Tây Ninh.

1.5. Thanh tra việc mua sắm trang thiết bị y tế, sinh phẩm, kit xét nghiệm phục vụ phòng, chống dịch COVID-19 đối với Sở Y tế.

(Nội dung chi tiết trong danh mục các cuộc thanh tra kèm theo)

* Thanh tra vụ việc do Chủ tịch UBND tỉnh giao; thanh tra đột xuất khi phát hiện có dấu hiệu vi phạm pháp luật; thanh tra lại, kiểm tra tính chính xác, khách quan các kết luận thanh tra của sở, huyện.

2. Công tác tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo

Tiếp tục triển khai thực hiện đồng bộ các chủ trương, chính sách, các quy định của pháp luật về tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo, nhất là Chỉ thị số 35-CT/TW ngày 26/5/2014 của Bộ Chính trị về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác tiếp dân và giải quyết khiếu nại, tố cáo; Chỉ thị số 14/CT-TTg ngày 18/5/2012 của Thủ tướng Chính phủ về chấn chỉnh và nâng cao hiệu quả công tác tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo; Quy định số 11-QĐ/TW ngày 18/02/2019 của Bộ Chính trị về trách nhiệm của người đứng đầu cấp ủy trong việc tiếp dân, đối thoại trực tiếp với dân và xử lý những phản ánh kiến nghị của dân; Luật Tiếp công dân, Luật Khiếu nại, Luật Tố cáo, các Nghị định Thông tư hướng dẫn thực hiện công tác tiếp công dân, xử lý đơn thư, giải quyết khiếu nại, tố cáo.

Giải quyết kịp thời, đúng quy định của pháp luật, phù hợp thực tế đối với các vụ việc khiếu nại, tố cáo thuộc thẩm quyền ngay từ khi mới phát sinh tại cơ sở, địa phương, phần đầu đạt tỷ lệ trên 85%; thực hiện tốt các quyết định giải quyết khiếu nại, quyết định xử lý tố cáo đã có hiệu lực pháp luật, phần đầu đạt tỷ lệ trên 90%.

¹ Quyết định số 1436/QĐ-TTg ngày 29/10/2018 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án bảo đảm cơ sở vật chất cho Chương trình giáo dục mầm non và giáo dục phổ thông giai đoạn 2017-2025 (Đề án 1436) và Quyết định số 775/QĐ-TTg ngày 27/6/2018 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu giáo dục vùng núi, vùng dân tộc thiểu số, vùng khó khăn giai đoạn 2016-2020 (Chương trình 775).

Tiếp tục triển khai thực hiện nghiêm túc, có hiệu quả Quyết định số 1849/QĐ-TTg ngày 27/12/2018 của Thủ tướng Chính phủ và Kế hoạch số 363/KH-TTCP của Thanh tra Chính phủ về tiến hành kiểm tra, rà soát, có phương án giải quyết dứt điểm các vụ việc giải quyết khiếu nại, tố cáo đông người, phức tạp, kéo dài, đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của công dân, qua đó giải quyết căn bản tình hình khiếu nại, tố cáo phức tạp, kéo dài nhằm góp phần ổn định chính trị, phát triển kinh tế - xã hội.

Tăng cường và có giải pháp nâng cao hiệu lực, hiệu quả thanh tra, kiểm tra trách nhiệm thực hiện pháp luật về tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo, nhất là trách nhiệm của người đứng đầu trong công tác tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo, tập trung ở những địa bàn, lĩnh vực xảy ra khiếu nại, tố cáo đông người, vượt cấp, không để phát sinh “điểm nóng”.

Chú trọng làm tốt công tác hòa giải ở cơ sở gắn với công tác dân vận, tích cực vận động quần chúng nhân dân chấp hành tốt chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, hạn chế việc khiếu nại, tố cáo không đúng quy định; đồng thời nghiên cứu, phát huy cách làm mới, phù hợp trước những diễn biến phức tạp, khó lường của tình hình dịch bệnh COVID-19 để nâng cao hiệu quả công tác tiếp công dân, giải quyết khiếu nại tố cáo. Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin, truyền thông vào hoạt động tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật trên các lĩnh vực để phát sinh khiếu nại, tố cáo.

Triển khai đồng bộ, hiệu quả Cơ sở dữ liệu quốc gia về khiếu nại, tố cáo nhằm phát huy tối đa hiệu quả việc quản lý khai thác và sử dụng cơ sở dữ liệu. Chú trọng công tác đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ, sắp xếp, bố trí cán bộ có đủ phẩm chất, năng lực, trình độ làm nhiệm vụ tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo; quan tâm đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị và thực hiện đầy đủ chế độ, chính sách đối với cán bộ làm công tác này.

3. Công tác phòng, chống tham nhũng

Triển khai thực hiện đồng bộ các chủ trương, chính sách pháp luật về phòng chống tham nhũng, nhất là Chỉ thị 33-CT/TW ngày 03/01/2014 của Bộ Chính trị về sự tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công việc kê khai và kiểm soát kê khai tài sản, các quy định về công khai, minh bạch của Luật Phòng, chống tham nhũng; Chỉ thị số 50-CT/TW ngày 07/12/2015 của Bộ Chính trị về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác phát hiện, xử lý các vụ việc, vụ án tham nhũng; Kết luận số 10-KL/TW ngày 26/12/2016 của Bộ Chính trị về việc tiếp tục thực hiện Nghị quyết Trung ương 3 Khóa X về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác phòng, chống tham nhũng, lãng phí; Chỉ thị số 12/CT-TTg ngày 28/4/2016 của Thủ tướng Chính phủ về tăng cường công tác phát hiện, xử lý vụ việc, vụ án tham nhũng; Luật Phòng, chống tham nhũng và các Nghị định, Thông tư hướng dẫn thi hành, bảo

đảm kịp thời, đồng bộ, thống nhất và hiệu lực, hiệu quả các giải pháp phòng ngừa tham nhũng; phối hợp xử lý tham nhũng; khẩn trương triển khai thi hành những quy định mới về kiểm soát tài sản, thu nhập, kiểm soát xung đột lợi ích, phòng, chống tham nhũng khu vực ngoài nhà nước, thanh tra phát hiện, xử lý tham nhũng... tập trung xử lý nghiêm, ngăn chặn có hiệu quả tình trạng nhũng nhiễu, gây phiền hà cho người dân và doanh nghiệp trong giải quyết công việc.

Tăng cường thanh tra, kiểm tra trách nhiệm người đứng đầu trong việc thực hiện pháp luật về phòng, chống tham nhũng, nhất là công tác kê khai tài sản, xác minh tài sản, thu nhập của người có chức vụ, quyền hạn; thực hiện nghiêm các quy định về công khai, minh bạch trên các lĩnh vực (đặc biệt trong quy hoạch, sử dụng đất, đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư, dự án đầu tư,...); phát hiện, xử lý kịp thời nghiêm minh các vụ việc tham nhũng; phối hợp chặt chẽ với các cơ quan chức năng để xử lý trách nhiệm của người đứng đầu để xảy ra tham nhũng và chuyển điều tra các vụ việc có dấu hiệu tội phạm tham nhũng.

Nghiên cứu đổi mới, cách thức tuyên truyền, phổ biến về phòng, chống tham nhũng; tăng cường phối hợp với các cơ quan chức năng trong việc trao đổi, cung cấp thông tin theo chỉ thị của Bộ Chính trị và Luật Phòng, chống tham nhũng.

Tăng cường hoạt động quản lý nhà nước và hướng dẫn việc thực hiện pháp luật về phòng, chống tham nhũng, nhất là việc theo dõi, đánh giá công tác phòng, chống tham nhũng trên địa bàn tỉnh.

4. Công tác xây dựng ngành

Tiếp tục nghiên cứu, tham mưu góp ý dự án Luật Thanh tra (sửa đổi), triển khai thực hiện các thông tư mới của Tổng Thanh tra Chính phủ về thanh tra, tiếp công dân, khiếu nại, tố cáo và phòng, chống tham nhũng. Rà soát các quy định pháp luật về thanh tra, tiếp công dân, khiếu nại, tố cáo và phòng, chống tham nhũng để phát hiện chồng chéo, mâu thuẫn trong các quy định về thanh tra, kiểm tra đối với doanh nghiệp, kịp thời đề xuất sửa đổi, bổ sung bảo đảm sự thống nhất của pháp luật, tạo điều kiện thuận lợi cho việc thực hiện của cơ quan, tổ chức, cá nhân.

Tiếp tục rà soát, củng cố, kiện toàn tổ chức bộ máy, nâng cao chất lượng hoạt động, giữ gìn kỷ luật, kỷ cương theo tinh thần Nghị quyết 18-NQ/TW, Hội nghị Trung ương 6, Nghị quyết Trung ương 7 khóa XII; Nghị quyết 26-NQ/TW ngày 19/5/2018 về tập trung xây dựng đội ngũ cán bộ các cấp, nhất là cấp chiến lược, đủ phẩm chất, năng lực và uy tín, ngang tầm nhiệm vụ, trong đó chú trọng xây dựng bộ máy, đào tạo, thực hiện chế độ, chính sách để thực hiện tốt chức năng quản lý nhà nước và các hoạt động nghiệp vụ.

Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin, truyền thông, có giải pháp nâng cao hiệu quả công tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật về thanh tra, tiếp công dân, khiếu

nại, tố cáo và phòng, chống tham nhũng, các lĩnh vực dễ phát sinh khiếu nại, tố cáo trong cán bộ, công chức và Nhân dân, góp phần thúc đẩy hiệu quả công tác ngành Thanh tra.

Điều 2. Chánh Thanh tra tỉnh chủ trì, phối hợp với thủ trưởng các sở, ngành có liên quan và Chủ tịch UBND các huyện, thành phố triển khai thực hiện Kế hoạch này, báo cáo kết quả về UBND tỉnh theo quy định.

Điều 3. Chánh Văn Phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Chánh Thanh tra tỉnh, Thủ trưởng các sở, ngành có liên quan và Chủ tịch UBND các huyện, thành phố căn cứ quyết định thi hành kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Cục III, Vụ KHTH Thanh tra Chính phủ;
- TT. TU; TT. HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Kiểm toán Nhà nước Khu vực IV;
- LĐVP, PNC, KT, KGVX, Ban TCD;
- Lưu: VT, VP.UBND tỉnh.

NC-THONG

7

CHỦ TỊCH



Nguyễn Thanh Ngọc

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH TÂY NINH**



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH MỤC CÁC CUỘC THANH TRA NĂM 2022

(Kèm theo Quyết định số 2986/QĐ-UBND ngày 10/11/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh Tây Ninh)

TT	Đối tượng thanh tra	Nội dung thanh tra	Thời hạn thanh tra	Phạm vi thanh tra	Thời gian tiến hành	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Ghi chú
A	1	2	3	4	5	6	7	8
01	Sở Giáo dục và Đào tạo	Thanh tra toàn diện các gói thầu liên quan đến Đề án 1436 và Chương trình 775	45 ngày	Từ khi triển khai dự án đến thời điểm thanh tra	Quý I/2022	Thanh tra tỉnh		
02	Chủ tịch UBND thị xã Trảng Bàng	Thanh tra trách nhiệm thực hiện pháp luật về thanh tra, tiếp công dân, khiếu nại, tố cáo và phòng, chống tham nhũng.	45 ngày	Từ tháng 01/2019-12/2021	Quý I/2022	Thanh tra tỉnh		
03	UBND huyện Châu Thành	Thanh tra việc thực hiện chính sách, pháp luật và nhiệm vụ, quyền hạn về các dự án đầu tư, xây dựng; quản lý, sử dụng đất đai; quản lý và khai thác tài nguyên, khoáng sản.	45 ngày	2015-2020	Quý II/2022	Thanh tra tỉnh		

04	Chủ tịch UBND thành phố Tây Ninh	Thanh tra trách nhiệm thực hiện pháp luật về thanh tra, tiếp công dân, khiếu nại, tố cáo và phòng, chống tham nhũng.	45 ngày	Từ tháng 01/2018 đến tháng 12/2021	Quý III	Thanh tra tỉnh		
05	Sở Y tế	Thanh tra việc mua sắm trang thiết bị y tế, sinh phẩm, Kít xét nghiệm phục vụ phòng chống dịch Covid-19.	45 ngày	Từ tháng 01/2021 đến khi tiến hành thanh tra	Quý III/2022	Thanh tra tỉnh		